

## SHINTO TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI NHẬT

PHÙ KHẢI HÙNG

*Shinto (Thần đạo) là một loại hình tín ngưỡng có sức sống bền bỉ cùng lịch sử của đất nước Nhật Bản. Cho đến ngày nay, trong đời sống tâm thức của người Nhật, cũng như tổ tiên của mình trong quá khứ, Shinto vẫn có sức ảnh hưởng rõ rệt. Hàng năm, người dân ở các đô thị lớn vẫn thành kính đón rước các kami thông qua những lễ hội trên đường phố; trong nhà người Nhật, bất kể nhà hiện đại hay kiểu nhà truyền thống, bàn thờ kami luôn được đặt ở vị trí trang trọng nhất. Bài viết của chúng tôi, trên cơ sở tổng hợp và phân tích tư liệu, sẽ trình bày những nét đặc trưng nói trên của Shinto trong đời sống tâm thức của người Nhật.*

Đề ca ngợi vẻ đẹp đất nước, nhà thơ Yamabe no Akahito đã viết:

*Tôi sẽ ngợi ca,  
Ngọn núi quê nhà,*

*Cho tới khi nào vẫn còn hơi thở.*

(Bản dịch của Phan Nhật Chiêu, 1999)

Chúng ta biết đến đất nước Nhật Bản qua hình ảnh của chiếc kimono, của những công trình kiến trúc gỗ đẹp hoàn mỹ cùng thời gian, đến món sashimi độc đáo, cũng như Shinto – một loại hình tín ngưỡng bản địa với sức sống bền bỉ đã song hành cùng người Nhật từ buổi bình minh lịch sử cho đến tận ngày nay. Mặc dù trên con đường tồn tại của mình, Shinto cũng có những bước thăng trầm, khi hưng khởi, lúc bị lấn lướt về vị thế, nhưng về cơ bản, Shinto vẫn là nền

tảng tinh thần của xã hội Nhật Bản và mang những nét độc đáo về mặt văn hóa. Vậy nên nếu tìm hiểu Nhật Bản mà bỏ qua hình thái tín ngưỡng này, chúng ta sẽ khó có một cái nhìn thấu đáo đối với những biểu hiện văn hóa của dân tộc Nhật, bởi “Shinto vừa là một tôn giáo nhưng cũng vừa là một tín ngưỡng trong đời sống tâm thức của người Nhật [...]. Hai mặt này đã gắn bó chặt chẽ với nhau phản ánh những nét cơ bản trong tính cách, tâm lý của người Nhật” (Trịnh Cao Tường, 2005, tr. 78).

Trong bài viết này, chúng tôi giới thiệu về Shinto trong đời sống văn hóa của người Nhật dựa trên một số công trình nghiên cứu chuyên sâu về Nhật Bản đã được xuất bản, như: *Người Nhật (Khảo luận tâm lý dân tộc)* của hai tác giả V. Pronikov - I. Ladarnov (nhóm dịch Đức Dương, Minh Đăng, Trần Ngọc Phong) phát hành năm 1998, tái

Phù Khải Hùng. Nghiên cứu viên, Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

bản có bổ sung vào năm 2004; và *Kiến trúc Nhật Bản*, bản chép tay của tác giả Trương Hữu Quýnh, cùng một số tài liệu khác (được liệt kê trong mục tài liệu trích dẫn).

## 1. SHINTO QUA MỘT SỐ THỜI KỲ LỊCH SỬ

Trong ngôn ngữ Nhật, Shinto - được dịch là Thần đạo - được ghép từ hai từ kami (thần) và michi (đạo: con đường) (Hồ Hoàng Hoa, 2001, tr. 31-34). Theo một thống kê của Ủy ban Văn hóa năm 2012 thì số người Nhật theo Shinto là 111,38 triệu người. Cho đến trước Thế chiến thứ hai, Shinto vẫn là quốc giáo của Nhật Bản. Nhưng sau đó, với sự du nhập và thừa nhận các tôn giáo từ bên ngoài, Shinto chỉ còn được xem là một trong những tôn giáo của người Nhật. So về số lượng tín đồ với các tôn giáo khác trên thế giới, Shinto vẫn có ưu thế nhất định; nhưng khi xem xét sự phân bố tín đồ về mặt địa lý thì Shinto vẫn được xem là tôn giáo “nội bộ” của người Nhật<sup>(1)</sup>.

Những tư liệu thư tịch và các di chỉ khảo cổ cho thấy Shinto đã xuất hiện từ trước Công nguyên. Đồ tùy táng và các hình vẽ đã mô tả lại những nghi lễ được thực hiện trong những hang đá hoặc những địa điểm được cho là linh thiêng. Bên cạnh những vật phẩm dâng cúng, người ta còn tìm thấy những biểu tượng của thần linh như những viên đá được đẽo cong, những tượng người có hình dáng kỳ lạ... Tất cả di chỉ được xác định thuộc thời kỳ Yayoi (300 BC - 300 AD). Đây là bước phát triển đầu tiên của Shinto trong

đời sống tín ngưỡng của người Nhật cổ đại. Xã hội Nhật thời kỳ Yayoi được nhận định là đã phát triển sang một bước cao bởi sự ra đời của kỹ thuật luyện kim và nông nghiệp trồng lúa nước. Sự tích lũy của cải đã dẫn đến tình trạng phân hóa giai cấp rõ rệt. Nhà nước dùng tôn giáo như một công cụ hỗ trợ đắc lực để quản lý xã hội; bên cạnh đó, sự trốn chạy về mặt tinh thần trước sự áp bức bóc lột của những người dân thấp cổ bé họng là những tiền đề khiến Shinto phát triển (Reischauer, 1994d; Hồ Hoàng Hoa, 2001, tr. 31-34).

Đến thế kỷ thứ VI, văn hóa Trung Hoa du nhập mạnh mẽ vào Nhật trên hai phương diện chữ viết và tôn giáo mới là đạo Phật và đạo Khổng. Trong suốt một khoảng thời gian dài cho đến khoảng thế kỷ thứ VII, Shinto tạm bị lấn lướt bởi Phật giáo do sự cổ súy mạnh mẽ của chính quyền đương thời cũng như sự say mê xây dựng những ngôi chùa Phật giáo tráng lệ, những buổi lễ trang trọng, những bài kinh ẩn chứa những điều huyền bí thu hút con người. Phật giáo chính thức trở thành quốc giáo vào thế kỷ VI và tên gọi Shinto được đặt ra chính là để phân biệt ranh giới giữa hai tôn giáo. Lúc này, tuy cùng tồn tại với Phật giáo nhưng Shinto dường như bị quên lãng, các thần xã mặc dù được xây trước các chùa nhưng cũng ít được thăm viếng so với các ngôi chùa Phật giáo. Sự hưng thịnh của Phật giáo rồi Khổng giáo kéo dài sang tận thời kỳ Heian (794 - 1191) (Hồ Hoàng Hoa,

2001, tr. 52; Trịnh Cao Tường, 2005)<sup>(2)</sup>.

Tuy nhiên, trong thời kỳ Nara (710 - 784), sự thống nhất các tiểu vương quốc do nhu cầu kinh tế và hoạt động thương mại đã hình thành nên nhà nước trung ương tập quyền, mô hình nhà nước được mô phỏng như nhà Đường (Trung Quốc), quyền lực tập trung vào Thiên hoàng và hoàng tộc. Thiên hoàng được thần thánh hóa và được cho là một vị thần trong hệ thống các vị thần của Shinto. Do đó, Shinto từ chỗ là một dạng tín ngưỡng bản địa của Nhật Bản, chủ yếu thờ cúng các lực lượng siêu nhiên vô hình (được gọi là Kami – thần thánh, chẳng hạn như mặt trăng, mặt trời, cỏ cây, sông núi), đã được nâng lên thành tôn giáo chính thống dưới sự bảo trợ của giai cấp thống trị (INAS, 2012). Lúc này, mỗi làng xã có một vị thần hộ mệnh riêng được thờ bên cạnh các hốc đá có phủ các ụ đất bên trên. Điều đáng lưu ý là trên các ụ đất đó có đặt ba bảo vật gồm thanh gươm, phiến đá quý được uốn cong cùng với chiếc gương là các bảo vật tượng trưng cho sức mạnh Thiên hoàng. “Shinto hoàng tộc do đó chiếm giữ vai trò của một tôn giáo có trật tự chặt chẽ, với một hệ thống các thần thoại, nghi lễ, dòng dõi tầng lớp tăng lữ và các đền miếu (shrine)” (Trịnh Cao Tường, 2005, tr. 84).

Đến thời kỳ Kamakura (1192 – 1338), chế độ Mạc Phủ cầm quyền đương thời cho khôi phục các giá trị truyền thống dân tộc. Do Shinto đề cao vai

trò của các vị hoàng đế trong hệ thống cai trị nên nó cũng được xem như một trong những công cụ của người cầm quyền. Dù vậy tình trạng pha trộn nhằm tạo sự hòa hợp giữa Shinto và Phật giáo cũng phổ biến, ví dụ như trong nghi thức của phái Mật tông sử dụng nhiều yếu tố giống với việc thờ cúng các kami, hay là sự ra đời của thuyết Honji suijaku có nội dung chủ yếu cho rằng hiện thân của Phật đều là các vị kami của Shinto; do đó, việc thờ Phật hay theo Shinto về cơ bản không có gì khác biệt. Tại các đền thờ Shinto, người ta còn dùng tranh vẽ để giải thích cho dân chúng mối quan hệ này... (Hồ Hoàng Hoa, 2001, tr. 85).

Sang thời kỳ Edo (1603 - 1868), Khổng giáo được chính quyền Mạc Phủ chọn làm tư tưởng chính thống. Shinto dường như chỉ tồn tại trong đời sống tâm thức của dân chúng thông qua rất nhiều lễ hội rước các kami hàng năm trên đường phố. Người Nhật luôn ý thức rằng họ là con cháu các vị thần thánh và thờ cúng các vị thần linh rộng rãi trên khắp nước Nhật, đặc biệt là ở đền Isejingu, nơi thờ tổ tiên Thiên hoàng xứ Mặt Trời Mọc (Amaterasu) (Vũ Hữu Nghị, 1991; Trịnh Huy Hóa, 2003; Pronikov - Ladarnov, 2004d.; Lý Kim Hoa, 2006).

Năm 1867, chế độ Mạc Phủ bị lật đổ, Thiên hoàng Minh Trị lên nắm quyền. Một năm sau, chính phủ Nhật Bản ra quyết định “Thần Phật phân ly” nhằm tách Shinto ra khỏi Phật giáo, tuyên bố Shinto là quốc giáo và thống nhất như một tổ chức riêng biệt. Nổi bật

trong chính sách này là việc khôi phục lại Thần kỳ quan, một cơ quan lo việc tôn giáo, hay việc lập Thần xã Yasukuni được dành riêng để thờ linh hồn những người hi sinh cho tổ quốc (nơi thờ cả những sĩ quan được cho là tội phạm chiến tranh). Thời kỳ Minh Trị Duy tân này cũng được xem như một thời kỳ đen tối của Phật giáo ở Nhật Bản, vì bên cạnh việc xây dựng nhiều thần xã, chính quyền cũng dẹp bỏ nhiều ngôi chùa, biến thành nơi thờ tự của Shinto, bắt các sư sãi hoàn tục... (Hồ Hoàng Hoa, 2001, tr. 79-85).

Đến năm 1945 khi nước Nhật bại trận trong Thế chiến thứ hai, Shinto không còn được coi là quốc giáo, nó trở thành một tín ngưỡng bình thường của dân chúng, cùng tồn tại với những tôn giáo khác có mặt tại Nhật như Phật giáo, Ki-tô giáo,... Tuy nhiên, Shinto vẫn là một loại hình tín ngưỡng mang dấu ấn văn hóa đặc trưng của người Nhật.

Nhìn lại quá trình lịch sử, trong buổi sơ khởi, Shinto chỉ là một dạng thức tín ngưỡng vạn vật hữu linh, loại hình tín ngưỡng sơ khai nhất của nhân loại – niềm tin vào sự tồn tại của thế lực siêu nhiên (các kami – thần) trong các vật chất vô tri như hòn đá, khe suối... Tính chất linh thiêng là do chính con người khoắc cho vạn vật và sau đó tiến hành các nghi lễ, vì sợ hãi với các hiện tượng tự nhiên mà bản thân mình không tự giải thích (và đôi khi không chống chọi) được. Tuy nhiên, tư tưởng của Shinto khác với những tôn giáo khác ở chỗ không cấm

hay buộc con người làm gì, mà chỉ khuyên nên hướng tới sự trong sạch và tránh điều ác. Hành động giết chóc đối với Thần đạo là điều ác và không nên giết sinh vật trừ khi vì sự sống còn của bạn. Vì vậy, trước khi ăn người Nhật thường phải nói câu cảm ơn với những sinh linh đã chết để trở thành thức ăn cho họ. Ngày nay điều này đã trở thành một phong tục (Lý Kim Hoa, 2006, tr. 45). Việc hướng đến sự thanh sạch là nền tảng quan niệm đạo đức cơ bản. Ngoài ra, sự gần gũi, hòa nhập vào thiên nhiên như một sự hòa mình vào sức mạnh kami là chủ đích thứ hai của Shinto. Do đó, trong đời sống ẩm thực hay lối kiến trúc của người Nhật, sự thanh sạch và hòa mình vào thiên nhiên là hai tiêu chí nổi bật.

Người Nhật quan niệm rằng vạn vật đều có kami – sức mạnh thần linh trú ngụ trong đó. Nếu con người tôn thờ thì sẽ được nhiều điều may mắn, tai qua nạn khỏi; ngược lại, nếu có thái độ khinh suất sẽ bị trừng phạt. Nghi lễ trong Shinto để cầu nguyện hay cảm tạ các thần thường được tổ chức tại các thần xã hoặc những nơi linh thiêng đặc biệt. Những linh vật được dâng lên thần linh thường là vải, gương hay kiếm<sup>(3)</sup>. Nghi lễ tẩy trần cũng rất quan trọng, người làm lễ phải giữ cho mình được trong sáng để tĩnh tâm và có được may mắn. Ngày nay, các nghi lễ Shinto thường được gắn với lễ hội, lễ cưới truyền thống hay năm mới. Tuy nhiên, người ta cũng thường hay đến đền để cầu nguyện

và dâng lễ (thường là chỉ bỏ vài yen vào thùng rồi cầu xin thần), hay mua bùa may mắn. Trong nhà người Nhật theo Shinto cũng thường có thần bằng (kamidana) để thờ các linh hồn (Vũ Hữu Nghị, 1991; Phan Nhật Chiêu, 1999; Trịnh Huy Hóa, 2003; Pronikov - Ladarnov, 2004d.; Trịnh Cao Tường, 2005; Lý Kim Hoa, 2006).

## 2. KIẾN TRÚC THẦN ĐẠO

Hiện nay ở Nhật còn hơn 8.000 thần xã, và mặc dù Shinto không còn vai trò của tôn giáo độc tôn trong đời sống văn hóa tinh thần của người Nhật, nhưng họ vẫn giữ thói quen đi đến đền thờ Shinto để cầu nguyện phúc lành, nhất là trong dịp tết cổ truyền. Các nghi lễ quan trọng như lễ cưới hoặc tang ma vẫn giữ lại phong tục truyền thống bên cạnh các nghi thức được giản tiện (ví dụ như các cặp đôi theo Kitô giáo)<sup>(4)</sup>. Nhìn chung, vai trò của Shinto trong lòng của người Nhật vẫn như một thói quen, một nếp sống truyền thống đã bén rễ trong tâm thức (Trịnh Huy Hóa, 2003; Pronikov - Ladarnov, 2004d; Trịnh Cao Tường, 2005; Hiền Lê). Và các thần xã chính là biểu tượng về sức sống của Shinto trong lòng người Nhật.

Do số lượng các thần trong đời sống tâm thức của người Nhật rất đông đảo và phong phú nên hình thức thờ cúng cũng như kiến trúc các thần xã cũng rất đa dạng. Tuy nhiên, theo các nhà dân tộc học người Nhật thì ta có thể chia kiến trúc thần xã thành hai loại: một loại mang đậm ảnh hưởng Trung Hoa (kiến trúc lục địa) và loại còn lại là

kiến trúc thuần Nhật – điển hình cho thần xã ở Nhật Bản. Nhìn chung, trong tổng thể bức tranh đa dạng về hình dáng, kiểu loại thì các thần xã vẫn có một số những tiêu chí chung cần được tuân thủ khi xây dựng<sup>(5)</sup>.

### 1.1. Vị trí đặt đền

Ban đầu, người Nhật hành lễ tại những nơi mà họ cho là có sự hiện diện của thần linh. Về sau họ cảm thấy phải chọn lựa một địa điểm để mọi người có thể dễ dàng đến chiêm bái thần và cuối cùng là đưa các thần xã đến gần các khu xóm làng (Reischauer, 1994d.).

Thông thường, do nguyện vọng được gần gũi thiên nhiên, tiếp nhận sức mạnh thần thánh nên khu đất được lựa chọn phải có một mối liên hệ thần bí với môi trường tự nhiên, như một cánh rừng, hay một con suối... Cho đến tận ngày nay, ở các đô thị lớn, dưới áp lực của sự khan hiếm đất đai, người Nhật vẫn khéo léo thiết kế để các miếu thần luôn nằm trong một quang cảnh hòa hợp với thiên nhiên. Thông thường các đền miếu Shinto truyền thống được làm bằng gỗ tùng bách, mái lợp tranh hoặc vỏ cây dương. Vật liệu dễ thối, không chế tác để giữ được vẻ mộc mạc của cây rừng. Theo quan niệm của người Nhật, miếu thần càng gần bó với tự nhiên, càng có tác dụng tích cực cuốn hút con người từ thế giới trần tục – nhọc nhằn, hối hả, lo toan... đến thế giới của thánh thần – êm ả, sâu lắng, huyền diệu..., để con người có được những phút giây thoát khỏi thế giới mà

họ đang phải đương đầu. Gắn gũi thiên nhiên là một đặc tính từ Shinto mà dân tộc Nhật hấp thụ, và từ đó họ áp dụng vào đời sống văn hóa của mình. Lĩnh vực kiến trúc là một biểu hiện rõ ràng nhất cho nguyên lý này. Không chỉ trong việc xây dựng các thần xã, mà khi xây dựng các công trình dân dụng thì gắn gũi thiên nhiên cũng là tiêu chí được tuân thủ triệt để, hình thành nên một nét riêng biệt về nhà ở người Nhật so với các dân tộc khác (Hồ Hoàng Hoa, 2001; Trịnh Cao Tường, 2005; Lý Kim Hoa, 2006).

## 1.2. Mặt bằng tổng thể kiến trúc

### - Cổng tori

Khi bước vào một ngôi đền Shinto, kiến trúc đầu tiên chúng ta nhìn thấy là cổng tori (tức là nơi chim đậu). Đây được xem là ranh giới giữa trần thế và chốn trú ngụ của thần linh. Khi nhìn thấy tori, người ta cảm nhận ngay một không gian thần thánh đang ngự trị nơi đó. Một miếu thờ có thể có nhiều tori xếp thành hàng dẫn vào miếu trên lối đi. Đôi khi không phải lối vào miếu mà ngay cả ở một gốc cây, một giếng nước bên vệ đường, ta cũng thấy một tori đứng lẻ loi nơi ấy. Nơi nào đặt tori đều nhắc nhở người ta về sự trú ngụ của kami – không gian thiêng liêng của thần thánh, mọi hành vi và suy nghĩ đều phải được điều chỉnh chín chắn để tránh sự xúc phạm (Pronikov - Ladarnov, 1998d.; Vũ Hữu Nghị, 1991; Hồ Hoàng Hoa, 2001; Trịnh Cao Tường, 2005).

Về mặt kết cấu, từ xa xưa, tori là hai cây gỗ rùng được đẽo gọt sơ sài

đặt hai bên, phía trên có hai cây xà hình dáng cong cong gác ngang qua, xà trên dài hơn xà dưới và hai đầu hơi vát. Ở đoạn giữa hai cột có một trụ nhỏ liên kết hai xà lại với nhau. Tori có những biến đổi qua thời gian. Ban đầu cả cột và xà đều bào nhẵn, để trần trụi và không sơn phết; nhưng về sau, do ảnh hưởng của kiến trúc Trung Hoa, thân cột được phết lên một lớp sơn đỏ và đôi khi được chạm trổ cầu kỳ hơn. Sau này, khi ngành công nghiệp xây dựng phát triển, một số tori còn được đúc bằng bê-tông cho chắc chắn. Nhưng đối với người Nhật thì chỉ có tori gỗ mới khơi gợi được trong họ những rung động sâu lắng trong cảm quan thẩm mỹ và tinh thần Nhật Bản. Ở một số vùng, tori còn được gia cố thêm các cánh cửa để có thể đóng lại vào ban đêm. Loại tori này gồm hai kiểu: loại thuần Nhật với đặc điểm không sơn phết, mái lợp rạ, ngói hoặc đồng; loại thứ hai có cấu trúc mái hai tầng. Theo nhà nghiên cứu Ono, dạng tori này ra đời từ khi Phật giáo chiếm ưu thế, bởi hai bên lối vào thường có đặt hai tượng Hộ pháp hoặc bốn tượng Thiên vương nhằm trấn yên trừ ma – một cấu trúc phổ biến thường thấy của các chùa Phật giáo (dẫn theo Trương Hữu Quỳnh, tr. 28).

### - Sando (lối vào)

Sau tori là sando, một con đường nhỏ dẫn vào đền thờ chính nơi kami đang ngự trị. Lối đi này thông thường rất hẹp, được rải sỏi trắng hoặc đá dăm, và không bao giờ là đường thẳng mà thường có một khúc ngoặt. Điều này

có lẽ để tránh đi sự mạo phạm, vì việc nhìn thẳng vào gian điện thờ có thể bị xem là một sự bất kính với thần linh.

Đọc hai bên sando là những trụ đèn đá do các tín đồ dâng cúng với ý nghĩa rất thú vị: về mặt chức năng, nó giúp soi sáng lối vào; nhưng bên cạnh đó, nó cũng là biểu hiện cho sự nghênh đón thần linh, bởi lửa luôn có ý nghĩa thiêng liêng trong nhiều nền văn hóa phương Đông. Bước đến tận cùng sando là chính điện – nơi thần linh cư ngụ. Một không gian của thần thánh.

#### - Điện thờ kami

Trước khi bước vào điện thờ chính, ta phải qua một kiến trúc phụ là một cái am nhỏ chứa một nguồn nước trong vắt - nơi tẩy trần cho các tín đồ vào lễ. Đây là một kiến trúc bắt buộc mà thần miếu nào cũng phải có bởi Shinto đề cao sự thanh sạch, mỗi cá nhân cần tẩy uế bản thân lẫn tâm hồn khỏi những bụi bặm khi tiếp xúc thần linh. Súc miệng và rửa tay là hai việc làm mà bất cứ một tín đồ nào cũng phải thực hiện trước khi bước vào không gian thần thánh. Chính vì thế mà nguồn nước cung cấp cũng bắt nguồn từ tự nhiên, như dẫn từ một con suối trên núi hay một mạch nước ngầm.

Điện thờ chính của Shinto khá đa dạng nhưng nhìn chung có hai phần rõ rệt: phần haiden là gian phòng ngoài – nơi các giáo sĩ thực hiện nghi lễ cúng tế thần linh, bày biện những vật lễ; phần honden (cung cấm) là nơi ngự trị của kami nên bất khả xâm phạm và luôn được đóng cửa quanh

năm. Mỗi năm, honden chỉ được mở cửa một lần để làm lễ rước kiệu, cung nghênh thần. Thông thường, các tín đồ đến làm lễ chỉ được phép đứng ở khoảng trống trước điện, ngoại trừ những đền miếu có quy mô lớn thì mọi người mới được vào haiden.

#### - Bố trí honden (cung cấm)

Mỗi một miếu thờ thần có một gian cung cấm, nếu miếu thờ nhiều thần thì số gian cũng sẽ tăng lên và kami được thờ chính sẽ xếp ở vị trí cao hơn các kami khác. Chức năng chính của honden là biểu hiện cho sự hiện thân của thần thánh được gọi làshintai (thân thể của thần thánh). Cácshintai này được đặt trong nơi sâu kín nhất, trong một chiếc khám được sơn vẽ cầu kỳ, trong này thường không bày biện gì thêm nữa. Cánh cửa honden luôn đóng kín để tránh sự xâm phạm thần linh. Thậm chí, trong những dịp tết đầu năm hay các ngày lễ hội, khi mở cửa honden để rước thần thể ra ngoài diễu hành trên những chiếc kiệu được sơn son thiếp vàng cầu kỳ, người ta vẫn treo màn hay rèm để ngăn “khách tục nghe nhòm” các thần thể (Trịnh Cao Tường, 2005, tr. 100).

#### - Haiden (nhà lễ)

Phía bên ngoài mỗi haiden, người ta thường treo một quả chuông lớn với những sợi thừng (chảo) shimenawa có kích thước rất lớn buông thõng xuống. Mỗi khi tín đồ đến bái lễ, nắm sợi dây ấy để kéo nhằm báo hiệu cho thần biết sự hiện diện của mình. Trên shimenawa nhỏ hơn, người ta

đính nhiều mẫu giấy màu và giăng khắp nơi trong đền, từ cổng, cột, thậm chí là các gốc cây là những nơi mà người ta tin có sự hiện diện của thần linh.

Bài trí bên trong haiden khá đơn giản. Ở gian chính giữa, trước cung cấm có một dãy bàn cố định dùng để đặt đồ lễ và một cây gậy phép; bên cạnh gậy phép là gậy rửa tội được đặt ngay hàng thẳng lối. Ở hai bên bàn người ta bày các băng chữ hoặc hình thú vật, đôi khi là tượng người mặc phẩm phục triều đình với hoạt cảnh đi sẵn. Phía trước bàn lễ có đặt hòm công đức nhằm quyên góp tiền xây đền, ngay phía trên hòm có một quả chuông. Nơi đây còn đặt ba chiếc hộp cách nhau, hộp ở giữa cao hơn hai hộp hai bên là nơi đặt các vật dùng để dâng lễ cho thần. Trên tường của haiden được treo nhiều tranh thư pháp.

Trong nhiều đồ tế khí, có một vật rất quan trọng đối với Shinto – đó tấm gương. Gương biểu trưng cho sự thanh sạch, ngay thẳng và trong sáng của các kami và cũng là biểu thị lòng trung thực, không che giấu điều gì của những người tới hành lễ trước thần. Có một số nơi, gương được đặt ngay trong cung cấm, không một ai được nhìn thấy kể các giáo sĩ.

Những binh khí được bày biện trong honden là kích và khiên. Đây là những vũ khí tượng trưng cho sức mạnh kami chống lại thế lực ma quỷ để bảo vệ thần dân của mình. Ngoài ra, trong đền còn lưu giữ y phục, đạo cụ như

gậy, binh khí, biển chữ, kiệu rước để phục vụ cho ngày lễ rước thần.

### 3. NGHI LỄ SHINTO

Giống như các cư dân có đời sống nông nghiệp, người Nhật có nhiều lễ hội diễn ra trong một năm. Nhìn chung, có một số những lễ hội chính gồm:

- Hội mùa xuân: ngày hội mùa.
- Hội mùa thu: lễ hội thu hoạch
- Lễ hội tế thần: xưng tụng công đức và cầu phước thần trong đền.

#### 3.1. Công tác chuẩn bị

Khi gần đến ngày tế lễ, mọi người bắt tay dọn dẹp vệ sinh, trang trí đền miếu. Cờ đuôi nheo nhiều màu sắc được dán khắp nơi cùng các tua rua và các sợi rơm bện để trừ tà. Lúc này, đền miếu sẽ trở nên rực rỡ với nhiều sắc màu và tràn ngập không khí lễ hội.

Các đối tượng tham gia hành lễ phải tuân theo một số những quy định nghiêm ngặt. Trước ngày hành lễ, họ phải đến ở tập trung trong các khu nhà riêng biệt của các giáo sĩ nhằm tách mình ra khỏi thế giới trần tục thường ngày. Tập tục này gọi là sakai. Khi vào khu nhà cách ly này, họ phải tắm rửa thường xuyên, ăn mặc sạch sẽ và dùng các món ăn theo quy định. Nếu vi phạm những quy định này, dù chỉ một điều, thì sẽ bị xem là không đủ phẩm chất tham gia hội lễ.

#### 3.2. Hành lễ

Trước khi tiến hành nghi lễ, toàn bộ những người tham gia phải làm lễ tẩy trần thêm lần nữa. Sau khi cơ thể và tâm hồn được thanh sạch hoàn toàn, họ sẽ tiến vào bàn thờ và mở cửa

cung cấm. Nghi lễ này gọi là “dọn đường cho thần linh”.

Tiếp theo là lễ “dâng đồ ăn cho thần linh”. Đây là một nghi lễ quan trọng. Các thức ăn được tẩy trần trước khi chuyển tay cho các giáo sĩ để dâng lên thần. Trong khi dâng thức ăn, ban nhạc sẽ tấu lên các khúc nhạc lễ trang trọng, đôi khi xen thêm màn múa thiêng do một tu sĩ cùng với các vũ công được đào tạo đặc biệt trình diễn. Điệu múa thiêng này mang nhiều ý nghĩa văn hóa. Thứ nhất, nó được xem như để làm hài lòng các vị thần linh xuất phát từ một truyền thuyết được lưu truyền trong “cổ sự ký”. Nhưng cũng có cách giải thích khác cho rằng đây là một điệu múa mang tính nghi lễ nông nghiệp từ thời xa xưa, có nguồn gốc từ lục địa châu Á, được người Nhật thu nạp vào kho tàng văn hóa của mình (Vũ Hữu Nghi, 1991; Phạm Công Luận, 1998; Pronikov và Ladarnov, 2004d; Trịnh Cao Tường, 2005).

Sau màn dâng phẩm vật, mọi người dâng nhánh cây thiêng sakaki với nghi thức cúi lạy - vỗ tay - cúi lạy, mỗi động tác làm hai lần. Đến đây nghi lễ chấm dứt. Lễ vật được các giáo sĩ chuyển ra cho mọi người chia lộc. Vị tu sĩ trưởng sẽ đóng cửa cung cấm, cùng những người hành lễ bước ra ngoài sau khi nhấp một ngụm rượu thánh.

Sang ngày hôm sau là phần rước kami từ cung cấm diễu hành qua các làng, xóm. Đây thực sự là phần “hội” sau phần “lễ”. Hàng ngàn, hàng vạn người tụ tập hai bên đường tung hô

khi đám rước đi qua. Đám rước gồm những phu khiêng kiệu là các thanh niên khỏe mạnh được dân làng tuyển lựa, họ không chỉ khỏe mạnh về thể chất mà còn có cuộc sống thanh sạch, tư cách thanh khiết. Tất cả họ đều mặc những bộ kimono truyền thống đi kèm với các nhạc công và vũ công. Họ vừa khênh kiệu đi theo hình zíc-zắc, vừa nâng lên hạ xuống theo nhịp điệu, miệng reo vang “washo, washo”... không khí nô nức và phấn khích. Sau khi đám rước dừng lại trên một địa điểm được chọn sẵn để kami nhận lễ vật dâng cúng, đoàn rước trở lại đền. Kami trở lại vào cung cấm và đợi chờ tới mùa lễ năm sau.

#### 4. ẢNH HƯỞNG CỦA SHINTO TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CỦA NGƯỜI NHẬT

Trong đời sống xã hội Nhật Bản, với tính chất là một tín ngưỡng bản địa, Shinto có những ảnh hưởng rõ nét trong suy nghĩ, nếp sống của người Nhật, nhất là đối với lối sống truyền thống. Không chỉ trên khía cạnh đời sống văn hóa tâm linh, ảnh hưởng của Shinto còn thể hiện trong đời sống vật chất như thiết kế nhà ở, nghệ thuật ẩm thực, thiết kế phục trang...

Trong lĩnh vực nhà ở, rời xa các đô thị sầm uất như Tokyo, Hiroshima... người ta vẫn còn thấy những nếp nhà tranh đơn sơ, giản dị nép mình dưới những tàn cây um tùm, xum xuê. Dường như trong suy nghĩ của người Nhật, nguyên tắc hài hòa giữa kiến trúc với cảnh quan thiên nhiên chưa bao giờ bị quên lãng. Vẫn còn hiện

hữu đầu đó những kiến trúc gỗ tuân thủ triết đề nguyên lý này từ cách lựa chọn vật liệu, kết cấu hệ mái, bộ khung... như cách đây hàng trăm năm. Không tính đến những công trình kiến trúc chịu ảnh hưởng của Trung Hoa, cách thiết kế đền miếu Shinto và kiến trúc dân dụng nhìn chung không có sự khác biệt nhiều, vẫn là những thớ gỗ không sơn phết, còn nguyên vân hay những tấm tatami đan từ rơm rạ. Cách bài trí nhà ở cũng gồm hai phần là gankan (phần cửa khách) và nội thất chính của gia chủ cách biệt nhau; còn ở các đền miếu Shinto là phân cách giữa honden và haiden; tổng thể mặt bằng kiến trúc mở như luôn đón tiếp thiên nhiên vào nhà. Đặc biệt nghệ thuật vườn cảnh và trà thất (chanoma) rất độc đáo.

Ở các đền miếu Shinto có diện tích rộng rãi, các tu sĩ dựng nên nhiều khu vườn cảnh đa dạng, thể hiện nhiều nội dung lấy cảm hứng từ cảnh quan thiên nhiên. Còn tại các khu nhà ở, người Nhật bài trí những cây cầu đá bắc qua một khe suối hẹp là một rãnh nước nhân tạo, lối vào bằng những viên đá thô trên nền đất ướn. Thậm chí, với những căn hộ chỉ có diện tích khiêm tốn ở những đô thị lớn, người ta cũng cố đặt một chậu nước có thả những cánh bèo hoa dâu trên những viên sỏi rải hay cột những chiếc chuông gió bằng đất nung... tất cả chỉ nhằm hòa điệu để cùng lan tỏa hơi thở của thiên nhiên – của thần thánh.

Trong đời sống văn hóa ẩm thực, người Nhật có những món ăn mang tính biểu trưng sức mạnh thần thánh,

thể hiện rõ rệt trong một số nghi lễ. Ví dụ trong đời sống văn hóa của người dân vùng Shizuoka, cơm trắng là một loại thực phẩm mà người Nhật cho là ẩn chứa nhiều sức mạnh của taima (thần thể của thần linh); do đó, một đứa trẻ chưa đến tuổi thành đinh thì dứt khoát không được chan canh vào cơm nếu như chưa qua một nghi lễ “xin phép thần linh”. Nghi lễ ấy có ý nghĩa tương tự như lễ thành đinh nhằm thông báo cho thần linh biết cá nhân ấy đã trưởng thành, có thể tự bảo vệ bản thân mà không cần sự giám hộ của thần. Nếu chưa qua nghi lễ này, cá nhân tự ý chan canh vào cơm sẽ xem như một việc làm ô uế taima, có thể bị thần linh trừng phạt. Bên cạnh tâm thức hòa nhập cùng thiên nhiên để gần gũi sức mạnh thần thánh, thì tinh thần “yêu chuộng sự thanh sạch tuyệt đối” cũng là một nét độc đáo trong văn hóa của người Nhật. Những chiếc bánh dày (mochi) dâng cúng thần linh tại các đền thờ trong các nghi lễ là hình tượng của sự trong sạch và thanh khiết, bởi nó được làm từ bột gạo tinh, không pha chế thêm nguyên vật liệu và chỉ hấp cách thủy đơn thuần. Trong tính biểu trưng văn hóa, màu trắng là một trong những màu sắc mà người Nhật rất yêu chuộng bởi vẻ tinh khiết của nó. Trang phục của cô dâu trong ngày trọng đại của cuộc đời, từ chiếc mũ trùm đầu cho đến chiếc kimono cùng những phụ kiện như giày, vớ... cũng là một màu trắng tinh khôi. Màu trắng còn xuất hiện trong y phục của các tu sĩ, các vũ nữ... (Phạm Công Luận,

1998; Trịnh Huy Hóa, 2003; Hoàng Minh Lợi, 2005).

## 5. LỜI KẾT

Như vậy, Shinto là một hình thái sinh hoạt tâm linh có từ rất lâu đời trên xứ sở Mặt trời mọc. Nó đã ra đời từ buổi bình minh lịch sử của dân tộc Nhật, trải qua nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử, có lúc thăng hoa nhưng cũng có khi bị chìm vào quên lãng trước sự du nhập của các tôn giáo mới như Phật giáo, Nho giáo. Khi Ki-tô giáo du nhập vào Nhật Bản cùng với văn hóa phương Tây, với bê-tông cốt thép trong kiến trúc, với những món ăn chế biến bằng sữa và bơ..., thu hút không ít dân cư bản địa tham gia thì Shinto bị xem như một hình thái lạc hậu, cổ xưa.

Ngày nay, trên đất nước Nhật Bản, mặc dù nhiều đám cưới được cử hành theo nghi thức Công giáo, nhiều đám tang có sự tham gia cầu siêu của các thầy tu Phật giáo, nhưng tinh thần nguồn cội vẫn khiến người Nhật quay về với Shinto – cái gốc của dân tộc

minh. Nhưng đó là sự “quay về” có tính sáng tạo rất riêng của người Nhật, vừa đảm bảo tiếp nhận yếu tố mới nhưng vẫn bảo tồn được truyền thống. Hình ảnh những đám cưới đến đền thờ Shinto để cầu phúc trước khi vào nhà thờ làm lễ, và khi con của họ chào đời, chúng sẽ được đưa đến các đền Shinto để được các tu sĩ rửa tội; hay những đám tang được cử hành theo nghi thức Shinto truyền thống nhằm đảm bảo sự thanh sạch tâm hồn để có thể đến thế giới các kami, nhưng họ cũng cần có sự phù trợ của các vị Bồ tát ở kiếp sau... là những ví dụ về sự kết hợp các yếu tố mới và cũ. Còn rất nhiều những biểu hiện độc đáo chứng minh sức sống bền bỉ cùng với thời gian của Shinto trong đời sống tâm thức người Nhật. Nó không mất đi như nhiều người đã nghĩ, mà đang biến đổi dần cho phù hợp, và điều dễ thấy nhất là sự hòa quyện cùng đạo Phật để tạo nên những sắc thái đa dạng, diện mạo phong phú trong đời sống tôn giáo - tín ngưỡng của dân tộc Nhật. □

## CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Thống kê về số lượng tín đồ trên thế giới (2012) từ [http://cong giao.info/news/2613/1912 0/ve-so-luong-tin-do-cac-ton-giao.aspx](http://cong giao.info/news/2613/1912%20ve-so-luong-tin-do-cac-ton-giao.aspx). Truy cập ngày 26/2/2016.

Tôn giáo	Số lượng tín đồ	Vùng lãnh thổ chủ yếu
Ki-tô giáo (gồm Công giáo, Tin Lành, Chính thống giáo và Anh giáo)	2,1 tỷ	Khắp thế giới, trừ một vài nơi ở Đông Phi, Bắc Phi, bán đảo Ả Rập, Trung Á, Đông Á, Đông Nam Á
Hồi giáo	1,5 tỷ	Trung Đông, Bắc Phi, Trung Á, Nam Á, Tây Phi, Đông Phi, Nam Á, Đông Nam Á, Albania, một phần lãnh thổ Nga, các tỉnh phía tây Trung Quốc
Ấn Độ giáo	900 triệu	Nam Á, Đông Nam Á, Fiji, Guyana, Mauritius.
Đạo giáo	400 triệu	Trung Quốc, Singapore, Malaysia và cộng đồng người Hoa hải ngoại

Tôn giáo dân gian Trung Quốc	394 triệu	Trung Quốc
Phật giáo	365 triệu	Đông Á và Ấn Độ
Tôn giáo của các bộ tộc	300 triệu	Khắp thế giới trừ Châu Âu
Nho giáo	150 triệu	Đông Á và cộng đồng người Hoa ở hải ngoại
Tôn giáo truyền thống Châu Phi	100 triệu	Châu Phi
<b>Shinto</b>	<b>30 triệu</b>	<b>Nhật Bản</b>
Đạo Sikh	23 triệu	Ấn Độ, Pakistan, Canada, Mỹ, Anh
Do Thái giáo	14 triệu	Israel, Mỹ, Châu Âu
Bahá'í giáo	9 triệu	Tín đồ phân bố rải rác nhiều nơi trên thế giới
Cao Đài	5 triệu	Việt Nam, Bắc Mỹ, Châu Âu, Châu Úc
Đạo Jain		

<sup>(2)</sup> Tham khảo thêm tại <http://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=600>, truy cập ngày 26/2/2016.

<sup>(3)</sup> Những vật lễ này có liên quan đến câu chuyện về nguồn gốc các vị thần được đề cập trong *Cổ sự ký* (xem thêm *Nhật Bản trong chiếc gương soi* của Phan Nhật Chiêu, 1999).

<sup>(4)</sup> Tư liệu tổng hợp từ *Tạp chí Nipponia* (vol 2 - 1998).

<sup>(5)</sup> Phần này, chúng tôi có tham khảo tài liệu *Kiến trúc Nhật Bản* (bản chép tay) của tác giả Trương Hữu Quýnh, trang 15.

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hiền Lê lược dịch. *Ảnh hưởng của tôn giáo đến đời sống văn hóa ở Nhật Bản*. Trên trang <http://vhnthcm.edu.vn/anh-huong-cua-ton-giao-den-doi-song-van-hoa-o-nhat-ban/>, truy cập ngày 29/2/2016.
2. Hồ Hoàng Hoa (chủ biên). 2001. *Văn hóa Nhật - những chặng đường phát triển*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Hoàng Minh Lợi. 2005. “Văn hóa vật chất của người Nhật ở Shizuoka”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 1/2005.
4. INAS (Nghiên cứu Nhật Bản). 2012. *Tín ngưỡng, tôn giáo ở Nhật Bản*. Trên trang <http://cjs.inas.gov.vn/index.php?newsid=600>, truy cập ngày 25/2/2016.
5. Lý Kim Hoa. 2006. *Để tìm hiểu văn hóa Nhật Bản*. TPHCM: Nxb. Văn nghệ.
6. Phạm Công Luận, Asako Kaio. 1998. *Những sắc màu Nhật Bản*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
7. Phan Nhật Chiêu. 1999. *Nhật Bản trong chiếc gương soi*, tái bản lần thứ 2. TPHCM: Nxb. Giáo dục.
8. Pronikov, V. - Ladarnov, I. 1998d. và 2004d. *Người Nhật (Khảo luận tâm lý dân tộc, Quyển 1)*. Đức Dương, Minh Đăng, Trần Ngọc Phong biên dịch. Hậu Giang: Nxb. Tổng hợp Hậu Giang.
9. Reischauer, E.O. 1994d. *Nhật Bản: quá khứ và hiện tại*. Nguyễn Nghị và Trần Thị Bích Ngọc dịch, Cao Xuân Hạo hiệu đính. TPHCM: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. *Tạp chí Nipponia*. 1998, vol 2.
11. Trịnh Huy Hóa biên dịch. 2003. *Đối thoại với các nền văn hóa: quyển Nhật Bản*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
12. Trương Hữu Quýnh. *Kiến trúc Nhật Bản*. Bản chép tay của tác giả.
13. Vũ Hữu Nghị biên dịch. 1991. *Văn hóa Nhật Bản: từ vựng, phong tục, quan niệm*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
14. Trịnh Cao Tường. 2005. *Thành hoàng ở Việt Nam và Shinto ở Nhật Bản: một nghiên cứu so sánh*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa.